

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **59** /GPMT-UBND

Đắk Lắk, ngày 09 tháng 12 năm 2022

## **GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 05/01/2022 của UBND tỉnh “Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk”;*

*Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh “Về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh”;*

*Xét Văn bản số 001.11/2022/TT-UB đề ngày 10/11/2022 của Công ty TNHH MTV Thương mại Thanh Trang đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Dự án “Trang trại chăn nuôi lợn thịt Thanh Trang, quy mô 24.000 con/đợt tại Buôn Kruê, xã Vụ Bản, huyện Krông Pắc” và hồ sơ bổ sung ngày 21/11/2022;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 347/TTr-STNMT ngày 22/11/2022.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Thương mại Thanh Trang, địa chỉ tại số 319 Hùng Vương, phường 9, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “**Trang trại chăn nuôi lợn thịt Thanh Trang, quy mô 24.000 con/đợt**” tại Buôn Kruê, xã Vụ Bản, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của dự án đầu tư**

1.1. Tên dự án đầu tư: “**Trang trại chăn nuôi lợn thịt Thanh Trang, quy mô 24.000 con/đợt**”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Buôn Kruê, xã Vụ Bản, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV có mã số doanh nghiệp 3800746610, do Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp, đăng ký lần đầu ngày 21/3/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 15/10/2021.

1.4. Mã số thuế của Công ty: 3800746610

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chăn nuôi lợn thịt.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

- Tổng diện tích của dự án là 197.527 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Dự án nhóm B (Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất thiết kế: Chăn nuôi 24.000 con lợn thịt/lứa; 48.000 con lợn thịt/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Thương mại Thanh Trang

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Thương mại Thanh Trang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**, kể từ ngày cấp Giấy phép.

(Từ ngày 09 tháng 12 năm 2022 đến ngày 09 tháng 12 năm 2032).

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Krông Pắc tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Krông Pắc;
- Công ty TNHH MTV Thanh Trang (Đ/c: Số 319 Hùng Vương, Phường 9, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên);
- Trung tâm Phục vụ HCC của tỉnh;
- TTCN và Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, NNMT ( H. 07B)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Võ Văn Cảnh**

**Phụ lục 1****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 59 /GPMT-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI****1. Nguồn phát sinh nước thải:**

1.1. Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (Bao gồm: Nước thải từ nhà vệ sinh đã được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại; nước thải từ khu nhà bếp đã được xử lý qua bể tách dầu mỡ; nước thải từ bồn rửa, vệ sinh sàn, tắm giặt).

1.2. Nguồn số 02: Nước thải chăn nuôi (bao gồm: Nước tiểu của lợn và nước thải từ vệ sinh chuồng trại).

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:****2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:**

Nước thải sau xử lý được tái sử dụng phục vụ cho hoạt động của Dự án (Bao gồm: Hoạt động vệ sinh khu vực chuồng nuôi và tưới cho diện tích cây xanh thuộc khuôn viên Dự án).

2.2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận nước thải: không có.

2.3. Lưu lượng nước thải lớn nhất được tái sử dụng: 291 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Tái sử dụng vào mục đích vệ sinh lớn nhất là 261 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Tái sử dụng vào mục đích tưới tiêu lớn nhất là 75 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**2.3.1. Phương thức xả nước thải để tái sử dụng:**

- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án được lưu tại Hồ chứa nước thải (Gồm có 02 hồ với tổng dung tích thiết kế là 9.500 m<sup>3</sup>) và được tái sử dụng cho hoạt động của Dự án.

- Chế độ tái sử dụng nước thải: Không liên tục.

2.3.2. Chất lượng nước thải trước khi tái sử dụng phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 62-MT:2016/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi (Cột A), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6 - 9	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quy định tại
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	40		
3	COD	mg/l	100		

4	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	50	khoản 4 Điều 97 Nghị định 08/2022/ NĐ-CP
5	Tổng Nitơ (theo N)	mg/l	50	
6	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100 mg	3000	

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh (Khu văn phòng, nhà ở công nhân và khu vực nhà ăn) được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn; nước thải từ khu nhà bếp được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ và nước thải sinh hoạt khác (Phát sinh từ bồn rửa, vệ sinh sàn, tắm giặt) được thu gom và theo đường ống PVC D114 mm dẫn về Bể lắng-tách phân của Hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 2: Nước thải phát sinh từ chuồng nuôi được thu gom cùng với phân lợn theo đường mương (Kết cấu bằng gạch, D300 mm, xây kín) dẫn về hệ thống cống (Kết cấu bằng gạch, D500 mm, xây kín), chuyển về Bể lắng-tách phân của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

#### 2.1. Bể tự hoại 3 ngăn:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ nhà vệ sinh → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý.

- Dung tích thiết kế bể tự hoại: Gồm 03 bể tự hoại, dung tích 34,5 m<sup>3</sup>/bể.

#### 2.2. Bể tách dầu mỡ:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ khu nhà bếp được xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ → Thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý.

- Dung tích thiết kế: Gồm 01 bể tách dầu mỡ; kết cấu bằng inox; dung tích 0,36 m<sup>3</sup>.

#### 1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (Gồm: nước thải sinh hoạt đã qua xử lý sơ bộ và nước thải chăn nuôi) → Bể lắng - tách phân → hầm biogas

→ bể lắng sơ bộ → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng sinh học → bể phản ứng → bể tạo bông → bể lắng hóa lý → bể khử trùng → bể trung gian → cột lọc áp lực → hồ chứa nước thải (Nước thải đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột A) → Tái sử dụng.

- Công suất thiết kế: 350 m<sup>3</sup>/ngày đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, Polymer, chlorine ...

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đã xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải trong các trường hợp: Hệ thống thu gom nước thải bị tắc nghẽn; chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu; sự cố hỏng máy móc, thiết bị; sự cố nước thải gây ảnh hưởng đến các đối tượng gần kề Dự án.

- Xây dựng hồ sự cố nằm trong khuôn viên Dự án (Dung tích thiết kế 2.400 m<sup>3</sup>; đáy lót bạt HPDE). Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải được bơm về hồ sự cố; sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải trong hồ sự cố được bơm ngược trở về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

- Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố gây ảnh hưởng đến khu vực lân cận: Đắp đất tạo bờ đê (Chiều cao 1,5m; chiều dài 265m) dọc theo ranh giới của Dự án về hướng Bắc (Dọc khu vực hệ thống xử lý nước thải) để ngăn cách nước mưa chảy tràn từ Dự án ra môi trường xung quanh. Bộ trí mương dẫn nước về hồ thu gom nước (Kích thước: 3,5m x 2,5m x 2,5m) để thu gom kịp thời toàn bộ nước chảy tràn; sau đó tiến hành bơm ngược lại hồ chứa nước của Dự án.

- Bố trí hệ thống rãnh thoát nước mưa dọc theo ranh giới phía Nam (Kích thước: 1m x 1m; dài 980m) để thu gom và thoát nước mưa từ khu vực bên ngoài chảy vào Dự án.

- Thường xuyên theo dõi, bảo dưỡng định kỳ của các máy móc, thiết bị, tình trạng hoạt động của các bể để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình đã ban hành.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 350 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

#### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí lấy mẫu đầu vào: 01 vị trí, sau Bể lắng-tách phân (trước hầm biogas của hệ thống xử lý nước thải).

- Vị trí lấy mẫu đầu ra: 01 vị trí, sau cột lọc áp lực của hệ thống xử lý nước thải (Trước khi chuyển vào hồ chứa nước thải để tái sử dụng).

#### 2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH MTV Thương mại Thanh Trang phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại mục 2.3.2 của Phần A Phụ lục này.

#### 2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải: Tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải); 05 lần lấy mẫu trong 75 ngày.

- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu nước thải đầu ra) trong ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3 Phần A Phụ lục này trước khi tái sử dụng cho hoạt động của Dự án; không được phép xả nước thải ra ngoài khu vực Dự án.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH MTV Thương mại Thanh Trang có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi

UBND tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu nước thải chưa được xử lý đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định.



**Phụ lục 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 59 /GPMT-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI****1. Nguồn phát sinh khí thải:**

01 nguồn khí thải phát sinh từ hệ thống lò đốt xác lợn.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:****2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Ống khói lò đốt xác lợn; tọa độ: X = 1367181; Y = 397511

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Khoảng 3.000 m<sup>3</sup>/giờ.

**2.2.1. Phương thức xả khí thải:**

Khí thải được xả ra môi trường qua ống khói, xả gián đoạn (Chỉ xả trong trường hợp vận hành lò đốt).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải lò đốt chất thải công nghiệp QCVN 30:2012/BTNMT (Cột B), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
2	CO	mg/Nm <sup>3</sup>			
3	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>			
4	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>			

*Ghi chú:* Khuyến khích thực hiện quan trắc định kỳ khí thải nêu tại Bảng trên để tự theo dõi, giám sát hệ thống, thiết bị xử lý khí thải.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI****1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải: Khí thải sau buồng thứ cấp của lò đốt được chuyển về hệ thống xử lý khí thải để xử lý, sau đó xả thải ra môi trường qua ống khói cao 10 m.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Tháp hấp thụ (Sử dụng dung dịch NaOH) → Ống khói (Khí thải đạt QCVN 30:2012/BTNMT, cột B).

- Công suất thiết kế: Tương ứng với lưu lượng xả khí thải lớn nhất nêu tại mục 2.2, phần A của Phụ lục này. Ống khói có kết cấu bằng Inox, D 350 mm, chiều cao 10 m.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch NaOH.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

## 1.4. Biện pháp, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị xử lý khí thải; dự phòng thiết bị để thay thế khi các thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải lò đốt xác lợn.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống khói, sau hệ thống xử lý khí thải lò đốt.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH MTV Thương mại Thanh Trang phải giám sát các chất ô nhiễm trong khí thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của các hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại mục 2.2.2 của Phần A Phụ lục này.

## 2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý khí thải: Tối thiểu là 15 ngày/lần; 05 lần lấy mẫu trong 75 ngày.

- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 01 ngày/lần trong ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của lò đốt, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thu gom triệt để khí phát sinh từ hầm biogas để làm nhiên liệu đốt tại lò đốt xác lợn của Dự án, không được xả trực tiếp ra ngoài môi trường.

3.3. Các nguồn phát sinh bụi và khí thải khác (tại khu vực chăn nuôi, khu vực lưu chứa chất thải rắn, khu vực xử lý nước thải của Dự án ...) phải được kiểm soát; đảm bảo chất lượng môi trường không khí xung quanh đáp ứng QCVN 05:2013/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 06:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về một số chất độc hại trong chất lượng không khí xung quanh và quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH MTV Thương mại Thanh Trang có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.6. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải của Dự án.

3.7. Công ty TNHH MTV Thương mại Thanh Trang chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**Phụ lục 3****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 59/GPMT-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022  
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:**

- Nguồn số 01: Phương tiện vận chuyển lợn, thức ăn chăn nuôi và các phương tiện vận chuyển khác phục vụ hoạt động của Dự án.
- Nguồn số 02: Hoạt động chăn nuôi.
- Nguồn số 03: Hoạt động cơ điện như quạt, máy phát điện dự phòng, máy bơm nước ...

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:**

- Khu vực văn phòng.
- Khu vực chăn nuôi và Khu vực xử lý chất thải của Dự án.

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	06 tháng/lần	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:**

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.
- Bố trí hàng rào cao 2 m bao quanh Dự án; trồng cây xanh tạo hành lang cách ly Dự án với các đối tượng xung quanh.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- 2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- 2.2. Thực hiện các biện pháp quản lý trong quá trình hoạt động để giảm thiểu tiếng ồn.
- 2.3. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn.

## Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 59 /GPMT-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	10
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải.	16 01 06	15
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử.	16 01 13	10
4	Bao bì mềm thải (có nhiễm thành phần nguy hại)	18 01 01	25
5	Bao bì cứng thải (có nhiễm thành phần nguy hại)	18 01 03	75
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	25
7	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại	14 02 02	60
8	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn): kim tiêm, ống chích....	13 02 01	35
9	Chế phẩm không có chất gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải: Thuốc thú y hết hạn ...	13 02 06	30
	<b>Tổng</b>		<b>285</b>

Ngoài ra, khi có dịch bệnh xảy ra, Dự án sẽ có phát sinh lợn chết do dịch bệnh; khối lượng chất thải cần xử lý tùy thuộc vào lượng lợn chết cần tiêu hủy.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Đơn vị tính	Khối lượng phát sinh	Ghi chú
1	Phân lợn	tấn/ngày	35,28	Thu sau máy tách phân
2	Xác lợn chết thông thường	kg/ngày	80	Ước tính
3	Bùn thu từ hầm biogas	tấn/năm	13,04	Định kỳ thu gom bùn 3 tháng/lần
4	Bao bì và chất thải khác	kg/năm	50	Phát sinh trong hoạt động chăn nuôi

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Đơn vị tính	Khối lượng phát sinh
1	Chất thải rắn sinh hoạt	kg/ngày	17,7

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 09 thùng nhựa HDPE (Có nắp đậy, loại thùng có dung tích 120 lít).

2.1.2. Kho lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại:

- Diện tích 16 m<sup>2</sup>.

- Kho xây tường gạch, nền bê tông, có mái che, có gờ bao và hố thu gom chất thải lỏng chảy tràn, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Phân lợn sau khi đã được ủ hoai, đóng vào bao và lưu chứa trong nhà chứa phân.

2.2.2. Khu vực lưu chứa

- Hố gom phân: Dung tích 150 m<sup>3</sup>; kích thước: 7,6 m x 3,6 m x 5,5 m; tường và đáy bê tông 2 lớp.

- Nhà đặt máy tách phân và ủ phân: Diện tích xây dựng 148,4 m<sup>2</sup>; nền bê tông.

- Nhà chứa phân: Diện tích xây dựng 137,7 m<sup>2</sup>; nền bê tông.

- Bể gom bùn: 01 bể có dung tích là 60 m<sup>3</sup>.
- Bể chứa bùn: Gồm có 04 bể, tổng dung tích là 26 m<sup>3</sup>.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

#### **2.3.1. Thiết bị lưu chứa:**

Bố trí 06 thùng nhựa HDPE (Có nắp đậy, loại thùng có dung tích 90 lít).

#### **2.3.2. Kho lưu chứa:**

- Diện tích kho lưu chứa: 16 m<sup>2</sup>.
- Kho xây tường gạch, nền lát gạch, có mái che,

### **3. Hoạt động tự xử lý, tái sử dụng chất thải:**

**3.1. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại :** Không có.

Công ty ký hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

**3.2. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:**

#### **3.2.1. Loại chất thải rắn tự xử lý, tái chế, tái sử dụng:**

- Xác lợn chết thông thường.
- Chất thải sinh hoạt (được phân loại).
- Bao bì đựng thức ăn chăn nuôi.

#### **3.2.2. Khối lượng chất thải tự xử lý, tái chế, tái sử dụng:**

- Lợn chết thông thường: Khoảng 80 kg/ngày.
- Bao bì đựng thức ăn chăn nuôi và các chất thải không có thành phần nguy hại khác: Khoảng 50 kg/ngày.

#### **3.2.3. Tóm tắt quy trình công nghệ tự xử lý:**

- Lò đốt: Công suất 50 kg/giờ; thể tích buồng đốt 0,54 m<sup>3</sup>; nhiệt độ buồng sơ cấp  $\geq 850$  °C; nhiệt độ buồng thứ cấp  $\geq 1.320$  °C; thời gian cháy tại buồng thứ cấp  $\geq 2$  giờ; khả năng hoạt động liên tục 72 giờ. Nhiên liệu sử dụng là khí biogas hoặc dầu DO (Trong trường hợp không có hoặc không đủ khí biogas phục vụ cho lò đốt).

- Quy trình vận hành lò đốt: Chất thải chờ đốt (xác lợn chết thông thường; chất thải sinh hoạt) được nạp vào buồng sơ cấp để đốt (chất thải được đốt cháy ở nhiệt độ lên đến 850°C) → Xỉ tro được thu gom; khí thải theo đường ống chuyển qua Buồng thứ cấp và được tiếp tục đốt → Tháp hấp thụ → Ống khói → Xả thải ra môi trường (Khí thải đạt QCVN 30:2012/BTNMT, cột B).

Xỉ tro được chôn lấp tại khu vực dự phòng tiêu hủy lợn chết của Dự án.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố trong quá trình vận hành lò đốt; sự cố bụi vỡ đường ống, hệ thống thu hồi khí biogas; sự cố do cháy nổ và sự cố về dịch bệnh trên lợn.

2. Bố trí đường vận chuyên lợn, vận chuyển chất thải riêng biệt; bảo đảm yêu cầu an toàn và vệ sinh môi trường, đồng thời thuận lợi trong việc ra vào, giám sát các công trình xử lý chất thải của Dự án.

3. Bố trí khu vực dự phòng tiêu hủy lợn chết do dịch bệnh (Diện tích 864 m<sup>2</sup> tại khu vực trồng cây xanh phía Đông của dự án).

4. Thực hiện các quy định pháp luật về tài nguyên nước và các yêu cầu nêu tại Giấy phép số 99/GP-UBND ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh về khai thác nước dưới đất của Dự án.

5. Công ty TNHH MTV Thanh Trang có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này.

Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.



**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 59 /GPMT-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC (nếu có).**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG)**

Không có hạng mục, công trình sản xuất và công trình bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường (trừ chất thải có khả năng tái sử dụng), chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường. Việc tái sử dụng nước thải của Dự án phải tuân thủ các quy định cụ thể cho từng mục đích sử dụng theo quy định của pháp luật.

3. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành; thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.